

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phi ên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2024 các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày và đề nghị: Chị và anh Hoàng Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/2014. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh T1 không quan tâm đến gia đình, con cái, không chăm lo làm ăn, một mình chị phải lo toan mọi việc trong gia đình. Anh T1 vay tiền chơi cờ dẫn đến nợ nần, nhiều người đến đòi nợ ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc làm ăn của chị. Anh T1 ham chơi bài bạc đã bị Công an xã Đồng Lợi xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, chị cũng bắt gặp anh T1 nhiều lần hít ma túy tại nhà. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T1 không thay đổi tính nết. Mặc dù ở cùng nhà nhưng vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và công việc. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị không đồng ý với nguyện vọng đoàn tụ của anh T1. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

- Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn T1 có 02 con chung là cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016. Các cháu khỏe mạnh, được chăm sóc đầy đủ, không bị bạo hành. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị làm nghề cắt tóc và Spa thu nhập bình quân 12.000.000đ/1tháng. Chị cam kết có đủ khả năng và điều kiện kinh tế để nuôi các con phát triển tốt cả về vật chất và tinh thần. Chị không đồng ý giao con cho anh T1 nuôi dưỡng hiện tại anh T1 không đi làm, không có thu nhập, còn đang nợ nần nhiều nên không có điều kiện kinh tế để nuôi con. Anh T1 vướng vào tệ nạn xã hội, nếu anh T1 trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của các con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 26/4/2024, các văn bản tố tụng bị đơn là anh Hoàng Văn T1 trình bày và đề nghị: Anh và chị Thuý kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn do anh ham chơi cờ bạc còn nợ nần khoảng hơn 100.000.000đ. Anh hứa sẽ từ bỏ việc đánh bài, tu chí làm ăn lo cho vợ con và cuộc sống sau này. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong chị T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Anh không đồng ý ly hôn chị Thuý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và cháu Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016. Hai cháu khỏe mạnh, được chăm sóc tốt, không bị bạo hành. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị trực tiếp nuôi cháu Hoàng An N, chị T nuôi cháu Hoàng An N1, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 20/5/2024, đại diện chính quyền UBND xã Đồng Lợi và Ban công an xã ĐồngLợi, huyện Triệu Sơn cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn năm 2014 tại UBND xã Đ, huyện T. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T1 có chơi bài bạc. Anh T1 và chị T có 2 con chung là cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, không bị đánh đập bạo hành. Chị T làm nghề cắt tóc, spa tại địa phương. Anh T1 làm nghề tự do, thu nhập bao nhiêu địa phương không nắm được. Chị Thuý chấp hành tốt pháp luật. Anh T1 đã bị Công an xã Đồng Lợi xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc năm 2021 và có tên trong danh sách theo dõi đối tượng ghi sử dụng chất ma túy.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 LHNGĐ: Xử cho chị Nguyễn Thị Thuý được ly hôn anh Hoàng Văn T1. Về con chung giao cho chị Thuý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phần tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh T1 cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn T1, anh T1 vắng mặt tại các phiên hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh T1 vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, anh T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyền số 01 ngày 22/01/2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T1 ham chơi, không chăm lo cho gia đình, vướng vào tệ nạn xã hội. Chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi tính nết dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống. Anh T1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không khắc phục được khuyết điểm, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị Thuý không đồng ý đoàn tụ với anh T1 và vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị Thuý và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương

sự. Hiện nay, anh T1 làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, khó đảm bảo được các điều kiện nuôi con. Hiện nay, chị T là nghề cắt tóc, spa tại địa phương, có thu nhập, có sức khỏe, có điều kiện nuôi con tốt hơn anh T1. Cháu Hoàng An N và Hoàng An N1 là nữ giới và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để các cháu có quyền lợi được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất, HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Thuý: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp sau này chị T không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, phù hợp với lợi ích của con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Hoàng An N sinh ngày 12/10/2014 và cháu Hoàng An N1 sinh ngày 10/11/2016.

Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung An N và An N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002881 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Đồng Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu